

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2022/KDTM-ST

Ngày: 27-9-2022

V/v tranh chấp hợp đồng gia công

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chữ Cần.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Thảo;

Ông Huỳnh Sơn Tây.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Nam - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 50/2022/TLST-KDTM ngày 31 tháng 3 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng gia công theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2022/QĐXXST-KDTM ngày 05 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty TNHH SX-TM-XMK T, địa chỉ: số 32/8, khu phố Tây A, phường Đông Hòa, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông Lê Văn Q, sinh năm 1985, thường trú: khu phố 4, phường L, thị xã Ph, tỉnh B, là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 26/5/2022); có mặt.

- *Bị đơn:* Công ty TNHH trang trí nội thất M, địa chỉ: thửa đất 1163, tờ bản đồ số 7, khu phố Bình Hòa 1, phường Tân Phước Khánh, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Phạm Văn Th, sinh năm 1990, địa chỉ: ấp 8, xã Th, huyện Đ, tỉnh Đ và ông Trần Văn M, sinh năm 1987, địa chỉ: xóm 12, xã Đ, huyện Y, tỉnh N, là người đại diện theo pháp luật; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Thanh L, sinh năm 1991, địa chỉ: số 32/8, khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh B, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thống nhất trình bày:

Ngày 27/11/2021, Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Xuất nhập khẩu T (gọi tắt là Công ty T) và Công ty TNHH Trang trí nội thất M (gọi tắt là Công ty M) ký kết hợp đồng gia công hàng hóa số 02/THL/HĐGC/MT. Hợp đồng này đã được 02 bên thỏa thuận trước đó nhưng do dịch bệnh nên đến ngày 27/11/2021, 02 bên mới ký kết được hợp đồng để hợp lệ thỏa thuận trước đó.

Theo nội dung ký kết, Công ty T đặt hàng Công ty M gia công đồ gỗ gia dụng xuất khẩu, cụ thể là tủ các loại gồm:

- 50 tủ mã CVFVR8049 (gỗ thông chà bần, giả cổ + MDF UV 01 mặt, khung xương bằng gỗ), đơn giá 73 USD/tủ, thời gian giao hàng là 16/12/2021.

- 50 tủ mã CVFVR8311 (gỗ thông + MDF dán verneer 0.6 một mặt, cào cước giả cổ, khung xương bằng gỗ), đơn giá 21.5 USD/tủ, thời gian giao hàng là 26/12/2021.

Tổng giá trị của hợp đồng là 4.833 USD tương đương 109.008.315 đồng. (tỷ giá USD tính theo Ngân hàng Vietcombank tại thời điểm đối chiếu công nợ). Hiệu lực của hợp đồng từ ngày ký đến ngày hai bên hoàn thành nhiệm vụ giao hàng và thanh toán.

Để thực hiện hợp đồng gia công, Công ty T còn cung cấp cho Công ty M các nguyên vật liệu gồm ván vụn 5mm, ván 9mm UV một mặt, gỗ thông 25, ván vụn các loại, ván 6mm UV một mặt, ván 4,5 mm UV một mặt, ván 12mm UV một mặt, keo 502, keo ráp; tổng giá trị là 56.111.500 đồng, để Công ty M gia công các hàng hóa theo yêu cầu của Công ty T. Chứng cứ cho việc giao nguyên liệu là theo các Phiếu xuất kho ngày 16/8/2021, ngày 19/8/2021, ngày 01/9/2021, ngày 21/9/2021 đã được Công ty T cung cấp nguyên vật liệu cho Công ty M để thực hiện việc gia công hàng hóa theo yêu cầu.

Tuy nhiên lần lượt vào các ngày 16/12 và 26/12/2021, Công ty M không giao hàng cho công ty T theo hợp đồng đã ký kết. Công ty T đã nhiều lần đơn đốc yêu cầu Công ty M giao hàng, thanh toán số tiền công nợ nhưng Công ty M không có thiện chí thanh toán, thực hiện.

Theo công nợ ngày 20/11/2021, Công ty T đã tạm ứng và chuyển cọc cho Công ty M nhiều lần với tổng số tiền là 178.795.675 đồng, khấu trừ chi phí, số tiền Công ty M đã gia công cho Công ty T thì Công ty M còn nợ Công ty T số tiền 94.469.507 đồng. Đồng thời, ông Phạm Văn Th có viết một giấy mượn tiền đề ngày 23/11/2021, thừa nhận có mượn của ông Nguyễn Thanh L số tiền 150.581.007 đồng, số tiền này chính là số tiền công nợ Công ty M xác nhận còn nợ Công ty T.

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết, tuyên chấm dứt hợp đồng gia công hàng hóa số 02/THL/HĐGC/MT ngày 27/11/2021, buộc Công ty M có nghĩa vụ

trả cho Công ty T số tiền 150.581.507 đồng, trong đó số tiền cọc, tạm ứng còn nợ là 94.469.507 đồng, số tiền nguyên vật liệu là 56.111.500 đồng.

Bị đơn - Công ty TNHH trang trí nội thất M không có văn bản trình bày ý kiến trong suốt quá trình khởi kiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh L trình bày: Ông L là thành viên góp vốn, Phó giám đốc của Công ty T phụ trách việc kinh doanh của Công ty T và Công ty M. Công nợ của số tiền 150.581.507 đồng, xuất phát từ Hợp đồng gia công hàng hóa số 01 ngày 31/10/2020 giữa Công ty T và Công ty M, bản chất hợp đồng nêu trên là Hợp đồng nguyên tắc, việc thực hiện hợp đồng gia công cụ thể giữa Công ty T và Công ty M sẽ thể hiện bằng các đơn đặt hàng. Khi Công ty M đến nhận các nguyên vật liệu sẽ gọi điện trước cho kế toán của Công ty T để thông báo số xe và tên tài xế đến nhận nguyên vật liệu cho Công ty M cho nên trên các phiếu xuất kho cho M có những người khác nhau ký tên. Công ty T đã tạm ứng cho Công ty M số tiền 69.500.552 đồng theo ủy nhiệm chi tại Ngân hàng Việt Nam thương tín vào ngày 25/5/2021 và số tiền 19.269.000 đồng theo Phiếu chi ngày 19/6/2021. Ngoài ra trong thời gian dịch bệnh Covid, do không thể đến Ngân hàng để giao dịch, theo yêu cầu của Công ty T, ông Nguyễn Thanh L đã chuyển cho ông Phạm Văn Th là người đại diện của Công ty M số tiền 40.000.000 đồng, số tiền nêu trên là tiền của Công ty T. Số tiền 150.581.507 đồng theo giấy mượn tiền ngày 23/11/2021 là số tiền mà Công ty M nợ Công ty T nhưng do khi ông Thái không mang theo con dấu nên viết giấy nợ ông Nguyễn Thanh L nhằm ràng buộc nghĩa vụ trả nợ của Công ty M.

Tại phiên tòa;

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Lê Văn Q giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ông Nguyễn Thanh L đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Công ty T và không có ý kiến, yêu cầu gì đối với số tiền đã chuyển cho ông Phạm Văn Th cũng như việc ông Phạm Văn Th viết giấy mượn tiền của ông Nguyễn Thanh L vào ngày 23/11/2021, vì đây là số tiền Công ty M nợ Công ty T.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa sơ thẩm như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên, Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Xét thấy việc nguyên đơn Công ty T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn Công ty M phải trả số tiền còn nợ, xuất phát từ hợp đồng gia công đồ gỗ gia dụng

là các loại tử稿, đây là vụ án kinh doanh thương mại: “Tranh chấp về hợp đồng gia công”. Bị đơn có trụ sở tại thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương nên theo khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Công văn số 889/ĐKKD ngày 11/7/2022 của Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Bình Dương, thể hiện: Công ty TNHH trang trí nội thất M, mã số doanh nghiệp 3702855192, đăng ký lần đầu ngày 26/02/2020, địa chỉ trụ sở chính: thửa đất 1163, tờ bản đồ số 7, khu phố B, phường T, thị xã T, tỉnh B... Hiện tại, Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Bình Dương chưa nhận được hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, hồ sơ tạm ngừng hay giải thể doanh nghiệp. Do vậy địa chỉ thửa đất 1163, tờ bản đồ số 7, khu phố B, phường T, thị xã T, tỉnh B được xem là địa chỉ cuối cùng của Công ty TNHH trang trí nội thất M. Công ty TNHH trang trí nội thất M là người đang phải thực hiện quyền và nghĩa vụ trong hợp đồng gia công với Công ty T nhưng chuyển địa chỉ mà không thông báo cho Công ty T nên thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/7/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Tòa án tiến hành thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng tại UBND phường T, thị xã T, tỉnh B và địa chỉ Công ty M tại thửa đất 1163, tờ bản đồ số 7, khu phố B, phường T, thị xã T, tỉnh B theo quy định của pháp luật.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự:

Bị đơn là Công ty M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 (hai) lần tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt, không rõ lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nợ gốc: Xét nguyên đơn Công ty T yêu cầu bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 150.581.507 đồng, trong đó số tiền cọc, tạm ứng còn nợ là 94.469.507 đồng, số tiền nguyên vật liệu là 56.111.500 đồng.

[4] Xét yêu cầu trả tiền nợ gốc của nguyên đơn: Công ty T đưa ra Phiếu xuất kho ngày 16/8/2021, ngày 19/8/2021, ngày 01/9/2021, ngày 21/9/2021, sổ hạch toán chi tiết lập ngày 28/6/2022 đối với tài khoản số 7840123456868 của ông Nguyễn Thanh L tại Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội, giấy mượn tiền đề ngày 23/11/2021 thể hiện ông Phạm Văn Th có mượn của ông Nguyễn Thanh L số tiền 150.581.007 đồng. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn Công ty M đều không có mặt, như vậy Công ty M đã từ bỏ quyền chứng minh của bị đơn đối với các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án. Tòa án triệu tập hợp lệ Công ty M tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng Công ty M vẫn không có mặt là đã từ bỏ quyền phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, có căn cứ xác định Công ty M không có ý kiến phản đối

đối với chứng cứ nguyên đơn cung cấp và đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Xét, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là Phiếu xuất kho ngày 16/8/2021, ngày 19/8/2021, ngày 01/9/2021, ngày 21/9/2021, Công ty T xác định đã cung cấp nguyên vật liệu cho Công ty M với tổng số tiền nguyên vật liệu là 56.111.500 đồng, việc chuyển tiền của ông Nguyễn Thanh L từ tài khoản số 7840123456868 tại Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội và Giấy mượn tiền đề ngày 23/11/2021 thể hiện ông Phạm Văn Th có mượn của ông Nguyễn Thanh L số tiền 150.581.007 đồng là phù hợp với công nợ ngày 20 tháng 11 năm 2021 do Công ty T lập, phù hợp với lời khai của ông Nguyễn Thanh L là người được ông Phạm Văn Th xác nhận công nợ. Từ những phân tích trên có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T.

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị không chấp yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chưa phù hợp.

[7] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH SX-TM-XMK T về việc tranh chấp hợp đồng gia công với bị đơn Công ty TNHH trang trí nội thất M.

Buộc Công ty TNHH trang trí nội thất M có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH SX-TM-XMK T số tiền 150.581.007 đồng (một trăm năm mươi triệu năm trăm tám mươi một đồng không trăm lẻ bảy đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Về án phí:

Buộc Công ty TNHH trang trí nội thất M phải chịu 7.529.000 đồng tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Trả lại cho Công ty TNHH SX-TM-XMK T số tiền 3.764.000 đồng (ba triệu bảy trăm sáu mươi bốn nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0005964 ngày 27-5-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên.

3. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 1, Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Tân Uyên;
- Chi cục THADS thị xã Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Chữ Cần